TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **74**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/02/2019
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Trực;

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà Lý Nguyễn Huyền Trang – kiểm sát viên;

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị Mỹ A,** sinh năm 1976 (có mặt).

Trú tại: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn B,** sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Trú tại: Ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ A trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Văn B qua tìm hiểu có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2004 quyển số 01/2004 ngày 06/5/2004. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, không cùng quan điểm trong vấn đề làm ăn kinh tế gia đình nên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị nhiều lần khuyên nhưng anh B không khắc phục mà còn xúc phạm đến chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm gay gắt. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật C, sinh ngày 13/12/2003 hiện đang sống chung anh B, khi ly hôn nếu cháu C muốn tiếp tục sống với anh B thì anh B nuôi, nếu muốn sống với chị thì chị nuôi, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về tình cảm: Anh hiện còn thương vợ xin có thời gian để hàn gắn, để anh có cơ hội sửa đổi khuyết điểm. Anh không đồng ý ly hôn, anh thống nhất về lời trình bày của chị A về thời gian sống chung với nhau, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn về việc anh có ghen với vợ về việc vợ làm ăn, mua bán với nhiều người đàn ông khác nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật C, sinh ngày 13/12/2003. Hiện nay cháu C đang sống với anh. Nếu Tòa cho ly hôn con theo ai người đó nuôi, nếu con sống với anh thì anh cũng không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa các đương sự có thực hiện đúng các qui định về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận và kết luận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A có căn cứ, bởi vì vợ chồng anh B, chị A đã có mâu thuẫn, không hàn gắn được, anh B xin hàn gắn tình cảm nhưng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để thực hiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B và giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi theo nguyện vọng của cháu C, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của chị Phạm Thị Mỹ A tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Mỹ A và anh Nguyễn Văn B qua tìm hiểu, tự nguyện sống chung và cưới nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 29 quyển số 01/2004 ngày 06/5/2004 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[3] Về tình cảm: Tại phiên tòa chị A xin ly hôn với anh B, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tính tình không còn hòa hợp với nhau, không cùng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên mâu thuẫn, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi. Khoảng cách vợ chồng ngày càng xa dần, tình cảm lạnh nhạt và hiện không còn nữa. Nay chị kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét mâu thuẫn giữa chị A với anh B hiện rất trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng đầu năm 2018 đến nay, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được, chị A kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Phía anh B không đồng ý ly hôn vì hiện còn thương vợ con, xin sửa chữa khuyết điểm để được hàn gắn. Tuy nhiên, từ khi Tòa án hòa giải đến nay đã hơn 03 tháng nhưng anh B không có sửa đổi, không thực hiện lời hứa để hàn gắn với chị A, điều đó cho thấy anh B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị A nên cần xem xét cho chị A ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có con chung tên Nguyễn Nhật C, sinh ngày 13/12/2003 hiện đang sống chung với anh B, ý chí cháu C muốn sống với anh B. Xét thấy, theo ý kiến của cháu C, cháu muốn sống với anh B nên đây là nguyện vọng của cháu nên chấp nhận để cháu tiếp tục sống với anh B, do anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A đến khi anh B có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh chị thống nhất không có nợ chung.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ A đối với anh Nguyễn Văn B;

Về tình cảm: Chị Phạm Thị Mỹ A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B;

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nhật C, sinh ngày 13/12/2003 cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A đến khi anh B có yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015298 ngày 29/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

Chị Phạm Thị Mỹ A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN THỊ MỸ LIL

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ